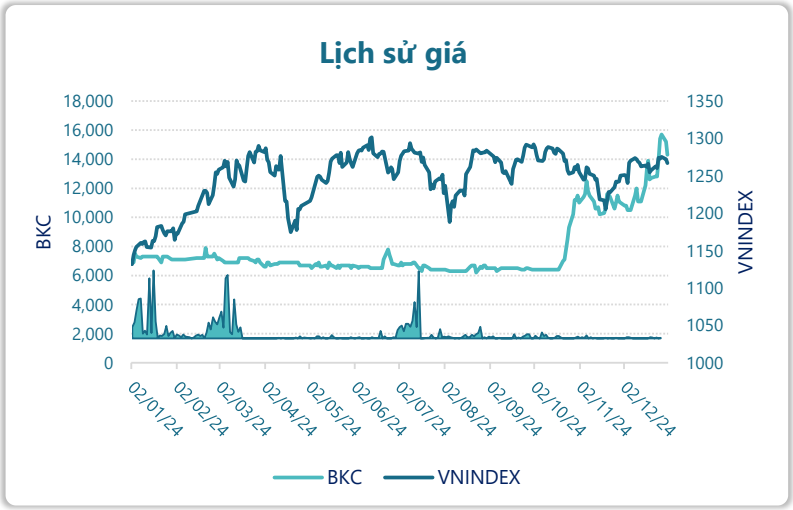
FireAnt

CTCP Khoáng sản Bắc Kạn (HNX: BKC)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**14,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,200
SL cổ phiếu LH	11,737,728
KLGD BQ 20 phiên (CP)	14,230
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	168
P/E	3.2
EPS	4,503

DT thuần

Q4/24

239

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 73.0| 43.8%

YoY: ▲ 58.0| 31.8%

LN sau thuế

Q4/24

30.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 10.9| 57.0%

YoY: ▲ 28.0| 1430%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

13.4%

+/- YoY: ▲ 9.5%

DT thuần

2024

567

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 127| 29.0%

LN sau thuế

2024

52.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 47.8| 930%

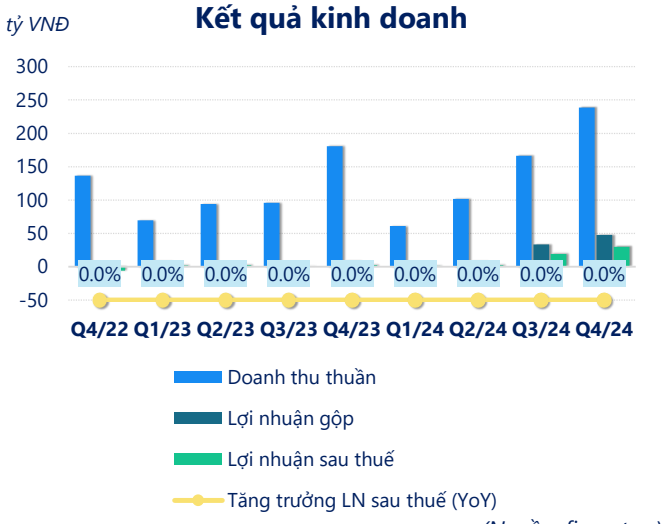
ROE

2024

25.2%

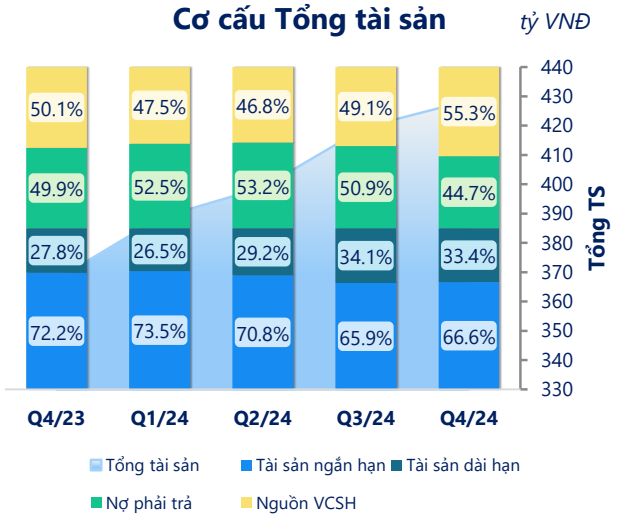
+/- YoY: ▲ 22.3%

Kết quả kinh doanh



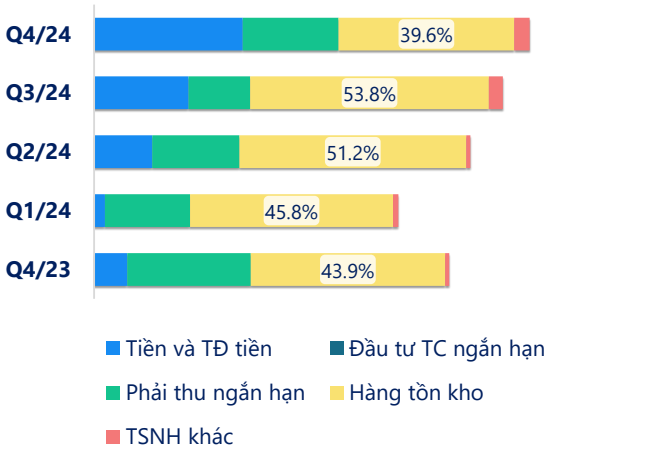
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



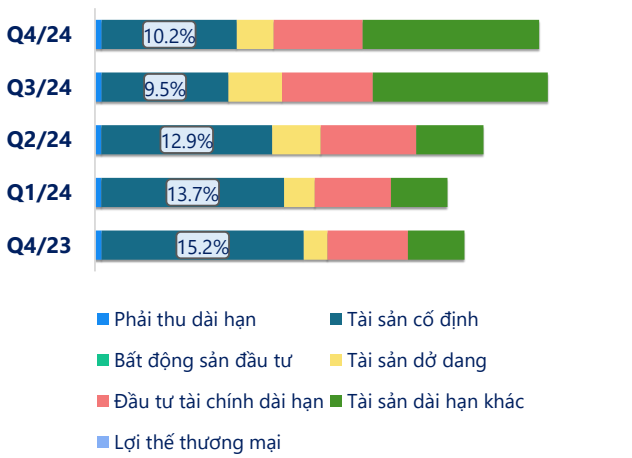
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



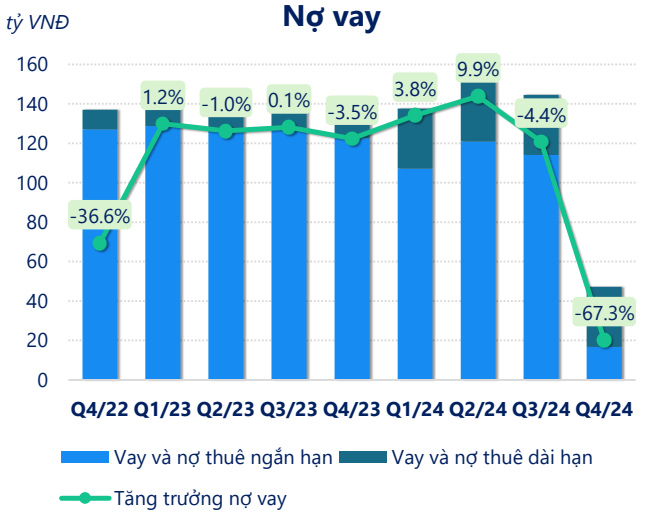
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



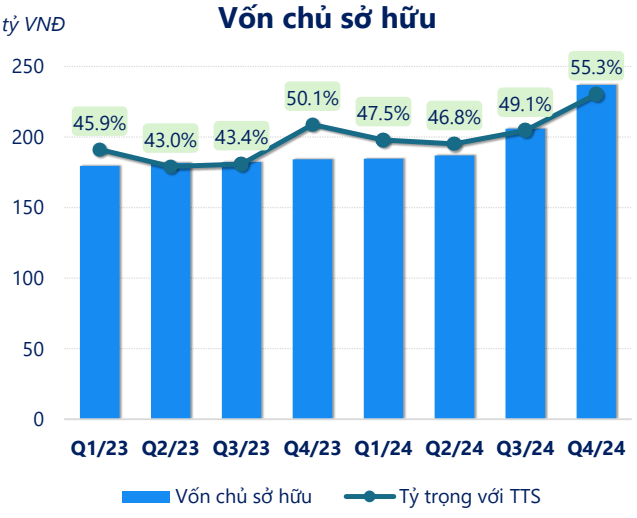
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



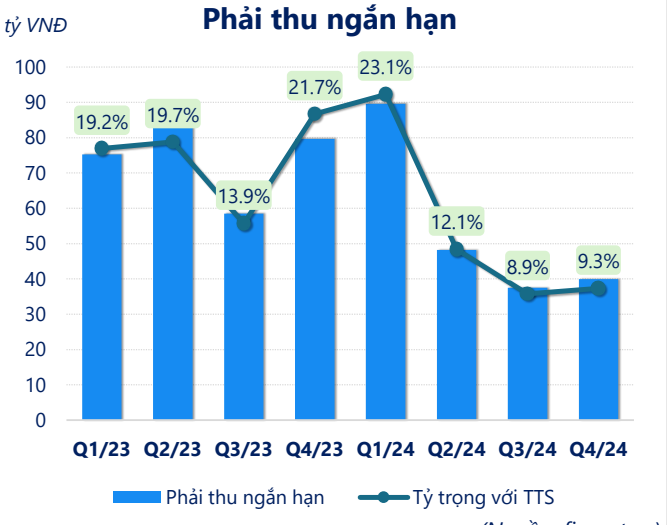
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



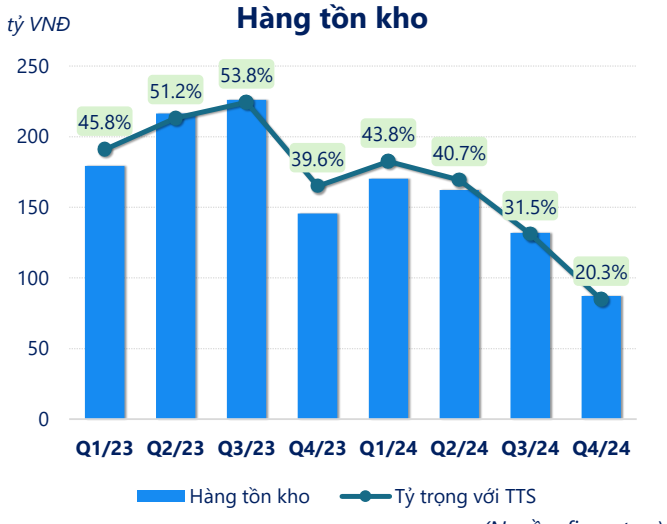
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



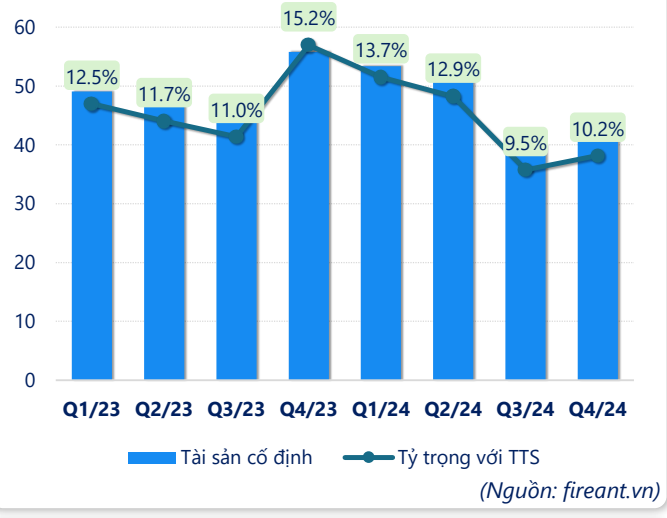
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



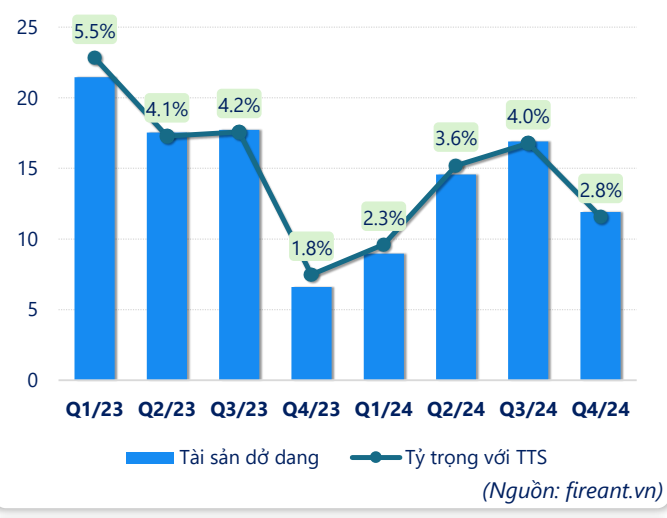
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



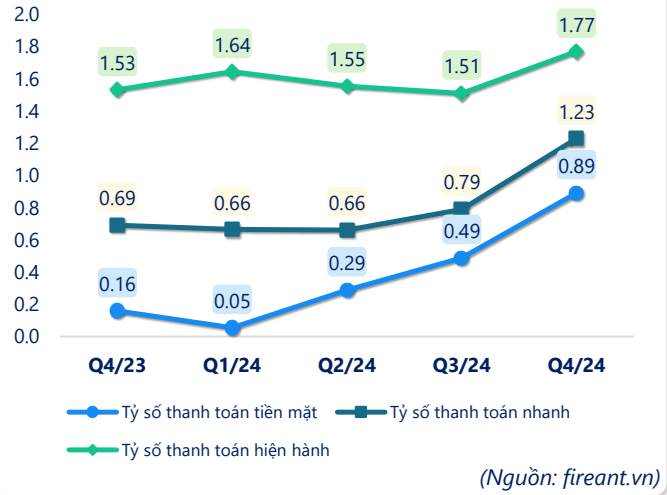
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



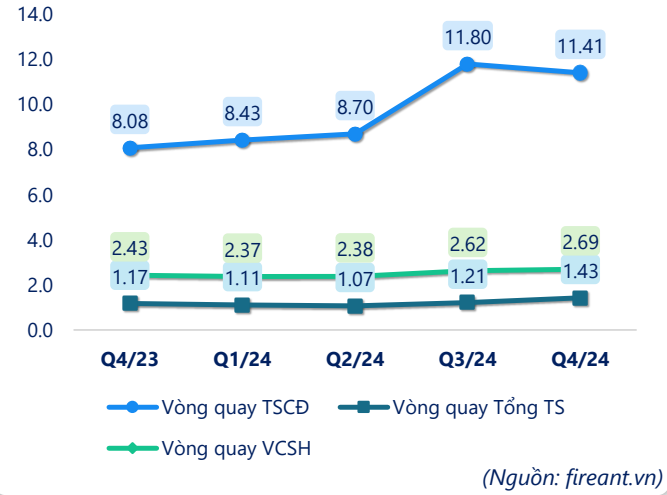
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**368**	**389**	**399**	**420**	**429**
Tài sản ngắn hạn	**265**	**286**	**282**	**277**	**285**
Tiền và tương đương tiền	27.4	9.45	52.3	89.5	144
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	79.7	89.6	48.2	37.5	40.0
Hàng tồn kho	146	170	162	132	87.1
Tài sản ngắn hạn khác	12.8	16.4	19.6	17.7	14.6
Tài sản dài hạn	**102**	**103**	**117**	**143**	**143**
Phải thu dài hạn	1.90	1.90	1.90	2.14	2.14
Tài sản cố định	55.8	53.4	51.3	40.0	43.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	6.60	8.96	14.6	16.9	11.9
Đầu tư tài chính dài hạn	22.3	22.3	28.7	28.7	28.7
Tài sản dài hạn khác	15.6	16.5	20.1	55.2	56.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**183**	**204**	**212**	**214**	**192**
Nợ ngắn hạn	**173**	**174**	**182**	**183**	**161**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	123	107	121	114	16.8
Phải trả người bán ngắn hạn	30.2	33.2	33.2	26.3	93.6
Nợ dài hạn	10.0	30.4	30.4	30.4	30.4
Vay và nợ thuê dài hạn	10.0	30.4	30.4	30.4	30.4
Nguồn vốn chủ sở hữu	**184**	**185**	**187**	**206**	**237**
Vốn chủ sở hữu	**184**	**185**	**187**	**206**	**237**
Vốn điều lệ	117	117	117	117	117
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)